SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 301 /BV-KD
V/v mời tham gia thẩm định giá

Hà Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp thẩm định giá.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang kính mời các Doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá các mặt hàng vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, để Bệnh viện có cơ sở xây dựng đơn giá kế hoạch cho các gói thầu trên.

Danh mục hàng hóa mời chào thẩm định giá (đính kèm).

Nếu các doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ năng lực và bảng phí dịch vụ thẩm định giá về Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang chậm nhất đến 11 giờ 30 phút ngày 12/6/2023.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ năng lực: Khoa Dược - Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Tổ 03 Phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang. Điện thoại: 0889.747.779.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI HÀ GIANG

Chúc Hồng Phương

DANH MỤC

(Kèm theo Công văn số 301 */BV-KD ngày* 05 *tháng 6 năm 2023 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang)*

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		1. Hoá chất sử dụng cho máy huyết học						
1	2023.HC.01	Dung dịch pha loãng	*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm trên máy phân tích huyết học. Dùng kèm với hóa chất ly giải, dung dịch rửa. *Thành phần: chứa axit boric. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Chất bảo quản 0.0003% - Đệm - Natri clorua - chelator ion kim loại - Natri sunfat	20 lít/thùng			Thùng	10
2	2023.HC.02	Dung dịch ly giải	*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên máy phân tích huyết học. Nó chuẩn bị quá trình cho phân tích các thành phần bạch cầu. Dùng kèm với dung dịch rửa và diluent. *Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái	1 lít/chai			Chai	6

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối amoni bậc bốn 2.25% - Kali clorua - Imidazole - Chất ổn định					
3	2023.HC.03	Dung dịch hệ thống	*Dung dịch nhằm loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Chứa các chất hoạt động bề mặt và một loại enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn. Dùng kèm với hóa chất ly giải, diluent. *Thành phần: có chứa axit boric. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - BRIJ 35: 0.25 % - EMPIGEN BB: 0.09 % - EVERIS PRECISE: 0.02 % - Natri clorua - Đệm - Chất ổn định - Chất bảo quản	1 lít/chai			Chai	20
4	2023.HC.04	Dung dịch sử dụng khi tắt máy	*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Nó là một dung dịch đậm đặc của hypoclorit dùng để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, tráng và rửa hệ thống đo của	250 ml/lọ			Lọ	2

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			máy phân tích huyết học, được sử dụng để loại bỏ cặn lắng hình thành từ các mẫu được xét nghiệm. *Thành phần: chứa natri hypoclorit. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Active chlorine - Natri Hidroxit - Chất ổn định - Natri clorua					
5	2023.HC.05	Dung dịch thông kim hút	*Chất hiệu chuẩn sử dụng trong hiệu chuẩn máy phân tích huyết học *Là một chế phẩm máu toàn phần, ổn định có thể được sử dụng để xác minh và điều chỉnh việc hiệu chuẩn các thiết bị huyết học *Hóa chất bao gồm: erythrocyte người, leukocyte động vật có vú và tiểu cầu động vật có vú trong chất lỏng giống huyết tương cùng chất bảo quản.	2 x 2.5mL			Lọ	2
6	2023.HC.06	Hoá chất chuẩn	*Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức cho máy xét nghiệm huyết học tự động hoặc bán tự động dùng nguyên lý trở kháng. *Thành phần: erythrocyte người, leukocytes và tiểu cầu động vật có vú trong môi trường giống huyết tương cùng chất bảo quản.	2 x 2,5 ml (L), 2 x 2,5 ml (N), 2 x 2,5 ml (H)			Lọ	2
		2. Hoá chất vật tư dùng cho máy sinh hoá						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
7	2023.HC.07	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; hoá chất đơn; dải tuyến tính: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng	R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml			Hộp	7
8	2023.HC.08	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml			Hộp	6

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
9	2023.HC.09	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml			Hộp	6
10	2023.HC.10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 µmol/L) Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	R1: 2x100ml + R2: 1x50ml			Hộp	4

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
11	2023.HC.11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 mL + Std: 1 x 5 mL; hoá chất đơn; dải tuyến tính: 20 - 600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-Aminoantipyrin (4-AAP): 0.5 mmol/L - Sodium azide: < 0.1% Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL	R: 6 x 100 ml + Std: 1 x 5 ml			Hộp	2
12	2023.HC.12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine; tỉ lệ R2/R1: 1/3; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x70mL Phương pháp đo: Enzymatic Colorimetric Kinetic Dải đo: mẫu huyết thanh/huyết tương: 0.1-30 mg/dL; 30-150 mg/dL khi pha loãng với tỷ lệ 1:5 NaCl 9 g/L, mẫu nước tiểu: 5-450 mg/dL (0.4-39.8 mmol/L) Thành phần: Hóa chất R1: - Good's buffer, pH 7.5 - EHSPT: 0,4 mmol/L	R1: 2x100ml + R2: 1x70ml			Hộp	9

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			- Creatininase: ≥ 10000 U/L - Sarcosine Oxidase: ≥ 3500 U/L - Ascorbate Oxidase: ≥ 1000 U/L Hóa chất R2: - Good's buffer, pH 7.5 - Amino- 4- Antipyrine: 2.95 mmol/L - Creatinase: ≥ 150000 U/L - Peroxidase: ≥ 4000 U/L - Sodium azide: <0.1%					
13	2023.HC.13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Dải tuyến tính: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng)	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml + Std: 1x5ml			Hộp	4

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)					
14	2023.HC.14	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Dung dịch dùng để rửa kim Probes và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 1 x 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.	1 L			Chai	5
		3. Hóa chất vật tư dùng cho máy nuôi cấy vi khuẩn lao						
15	2023.HC.15	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	-Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. -Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25oC.	7mL/ống x 100 ống/hộp			Hộp	10
16	2023.HC.16	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	- Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin	15mL/lọ x 6 lọ Chất làm giàu 6 lọ thuốc đông khô PANTA			Hộp	10

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			B 600 µg, Nalidixic axit 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg. -Bảo quản ở 2 -8oC.					
17	2023.HC.17	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi khuẩn lao	- Đạt chứng chỉ ISO 13485 - Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex từ ống nuôi cấy lỏng MGIT nhuộm AFB dương tính. - Các loài có thể phát hiện: M. tuberculosis, M. bovis, M. africanum và M. microti. - Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc - Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. - Bảo quản ở 2 - 35oC.	25 test/hộp			Hộp	8
18	2023.HC.18	Ống chuẩn máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao	- Được sử dụng trên máy BD BACTECTM MGITTM 960/320, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy - Sản phẩm có chứa cao su tự nhiên - Bảo quản tối ở 2–25 °C.	17 ống/hộp			Ống	17
19	2023.HC.19	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4030 của hãng Arkray	100 test/hộp			Hộp	30

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		I. Vật tư y tế theo Thông tư 04/2017/TT-BYT						
		Nhóm 1. Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương						
		1.1 Bông						
		Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ						
20	2023.VT.01	Bông y tế thấm nước	Tốc độ hút nước =< 0,5 giây. Bông Y tế 100% bông xơ tự nhiên. Kiện/ 12kg				kg	150
		Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương						
		2.2 Băng dính						
		Băng dính các loại, các cỡ						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
21	2023.VT.02	Băng dính y tế cỡ KT 2,5 x 9,1m	KT 2,5cm*9,1m Băng có cấu tạo nền vải lụa acetate taffeta mịn, bóng, mềm mại, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh.* Phủ lớp keo Acrylate không chứa mủ cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra.* Xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện* Thiết kế lõi giấy thân thiện với môi trường* Chống thấm nướcLợi ích sử dụng:* Bền chắc, thông thoáng cho da* Dính tốt trên da khô và miết với áp lực nhẹ sau khi dán. Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,…(hoặc tương đương) / Quy cách: 12 cuộn/ hộp	12 cuộn/ hộp			Cuộn	1.000
		Gạc các loại, các cỡ						
22	2023.VT.03	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.				Mét	300
		Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh						
		3.1 Bơm tiêm						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ						
23	2023.VT.04	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.				cái	150
		Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ						
24	2023.VT.05	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.				Cái	200
		Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ						
25	2023.VT.06	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.				Cái	1.100
26	2023.VT.07	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.				Cái	40.000
27	2023.VT.08	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bẻ gãy để				Cái	18.000

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.					
		3.2 Kim tiêm						
		Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ						
28	2023.VT.09	Kim luồn ven tĩnh mạch có cửa có cánh các số	Kim có cánh, cửa bơm thuốc. Chất liệu FEP với thành catheter mỏng, có 2 vạch cản quang trên thân catheter, không gây sốt, không có latex, chống vặn xoắn. Kim bằng thép không gỉ (AISI 304), được cắt vát 3 lần. Lưu kim 96h. Các cỡ: 24G(O.D:0.7x19mm): Màu vàng; 22G(O.D:0.8x25mm): Màu xanh nước biển; 20G(O.D:1,0x32mm): Màu hồng; 18G(O.D:1,2x45mm): Màu xanh lá cây; Tiệt trùng công nghệ EO. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, CFS có chứng thực Đại sứ quán. Quy cách: Cái/gói				Cái	3100
		Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ						
29	2023.VT.10	Kim lấy thuốc	Kim các số, Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485				Cái	35000
		3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ						
30	2023.VT.11	Kim chọc dò gây tê tủy sống	Kim chọc dò gây tê tủy sống có trục kim và đốc kim chất liệu Polypropylene, đầu nối kim vào đốc kim chất liệu Epoxy resin, Kim và nòng: chất liệu thép không rỉ đặc biệt và được khử trùng theo phương pháp: Ethylene oxide kim được thiết kế nhỏ gọn giúp giảm nguy cơ tổn thương tủy sống có đường kính và chiều dài được thể hiện rõ trên từng sản phẩm: 18GA 3.50 IN: 1,20 mm x 90 mm, 20GA 3.50 IN: 0.90 mm x 90 mm, 22GA 3.50 IN: 0.70 mm x 90 mm, 25GA 3.50 IN: 0.50 mm x 90 mm, 26GA 3.50 IN :0.45 mm x 90 mm, 27GA 3.50 IN: 0.40 mm x 90 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE/ Quy cách: 25 cái/ hộp				Cái	100
		3.5 Dây truyền, dây dẫn						
		Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)						
31	2023.VT.12	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥				Bộ	5300

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm.Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có kim hai cánh bướm.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện					
32	2023.VT.13	Bộ dây truyền dịch có kim	Kim 21Gx1,5, dây dài 145cm. Đầu nối Luer lock. Có màng lọc khí. Bầu đếm giọt có màng lọc dịch, lỗ lọc dịch 15-20µm, bầu đếm giọt 6ml, 20 giọt/ml. Không độc, không gây sốt. Không rò rỉ khí ở 50kPa áp suất không khí bộ truyền trong 15giây. Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, CFS có chứng thực Đại sứ quán. Quy cách: Bộ/gói				Bộ	5000
		Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động các loại, các cỡ						
33	2023.VT.14	Khóa ba ngã không dây	- Chất liệu nhựa trong y tế. Không gây độc, gây sốt. Không gây tương tác khi truyền các loại nhũ tương, dịch Lipid và các loại thuốc khác.- Khóa luer dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi chỉnh…- Tiệt trùng bằng khí EO1 cái/ túi				Cái	500

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		3.6 Găng tay						
		Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ						
34	2023.VT.15	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Găng tay cao su tự nhiên, có bột. Mủ cao su tự nhiên, găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay, ASTM D3578, TCVN 6343:2007, EN 455 Part 1,2,3,4, ISO 10993-5:2009 (E), ISO 10993-10:2010 (E). Màu sắc: Trắng. Kích cỡ: XS/S/M/L/XL. Trọng lượng (±0.2gr): XS: 4.0gr, S: 4.5gr, M: 5.0gr, L: 5.5gr, XL: 6.0gr. Chiều dài: 240mm±5. Chiều rộng (mm): XS: 75±5, S: 85±5, M: 95±5, L: 105±5, XL: 115±5. Độ dày (mm): Lòng bàn tay: ≥0.09, Đầu ngón tay: ≥0.11. Lực kéo đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: Tối thiểu 20MPa/16Mpa. Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: Tối thiểu 700%/600%. Hàm lượng bột: Tối đa 10mg/dm². Hàm lượng Protein: Tối đa 100µg/dm². Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. Quy cách: 50 đôi/ hộp				Đôi	170.000
		Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ						
35	2023.VT.16	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, có bột (USP) dùng trong thủ thuật, phẫu thuật.				Đôi	1.500

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			Mủ cao su tự nhiên, nhám lòng bàn tay và ngón tay, phân biệt tay trái/phải, ASTM D3577, TCVN 6344-2007. Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, theo chuẩn Châu Âu REACH 1907/2006. Có hiển thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cản quang. Miệng túi thiết kế theo kiểu Peel down, thuận tiện cho người sử dụng, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói, Kiểm tra độ vô khuẩn theo Dược điển việt Nam. Màu sắc: Trắng, kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, Cân nặng (±0.2gr): 6.5: 8.5gr, 7.0: 9.0gr, 7.5: 9.5gr, 8.0: 10.0gr. Chiều dài: Tối thiểu 270mm. Chiều rộng (mm): 6.5: 83±6, 7.0: 89±6, 7.5: 95±6. 8.0: 102±6. Độ dày (mm): Lòng bàn tay ≥0.14, đầu ngón tay ≥0.16. Lực kéo đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: Tối thiểu 26MPa/20Mpa, Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: 750%/560%. Hàm lượng bột: Tối đa 10mg/dm2. Hàm lượng Protein: Tối đa 100µg/dm2.Quy cách: Hộp 50 đôi					
		3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác						
		Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
36	2023.VT.17	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T, không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) 250 cái/ kiện				Cái	40
37	2023.VT.18	Túi đựng rác thải màu trắng	Dạng: túi nilon nhựa PE nguyên sinh - Vật liệu: nhựa an toàn PE nguyên sinh, nhựa tự phân hủy sinh học.				Kg	100
38	2023.VT.19	Túi đựng rác thải màu vàng	Dạng: túi nilon nhựa PE nguyên sinh - Vật liệu: nhựa an toàn PE nguyên sinh, nhựa tự phân hủy sinh học.				Kg	100
39	2023.VT.20	Túi đựng rác thải màu xanh	Dạng: túi nilon nhựa PE nguyên sinh - Vật liệu: nhựa an toàn PE nguyên sinh, nhựa tự phân hủy sinh học.				Kg	100
		Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ						
40	2023.VT.21	Ống nghiệm Heparin chân không	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET,Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Heparin lithium dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.				Cái	4.800
41	2023.VT.22	Ống nghiệm tách huyết thanh	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO				Cái	2000

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
42	2023.VT.23	Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp, có nhãn	* Thể tích 5ml. kích thước ống nghiệm 12x75mm (cho thể tích 5ml) * Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485				Cái	2000
43	2023.VT.24	Ống nghiệm tiệt trùng 50 ml	Thể tích: 50 ml Nắp: Kiểu chụp Cân nặng: 10g Kích thước: 28.5*114mm Độ dày: 1.0mm Chất liệu: Polystyrene Lực ly tâm tối đa: 6000g				Cái	850
44	2023.VT.25	Ống nghiệm thủy tinh fi 12,14,16	Chất liệu: Thuỷ tinh. Kích thước fi 12,14,16				Cái	500
		Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter						
		4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối						
		Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ						
45	2023.VT.26	Dây Oxy 2 nhánh người lớn + trẻ em	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Túi 25 bộ x 20 túi / kiện					500
		4.4 Catheter						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		Ống thông (catheter) các loại, các cỡ						
46	2023.VT.27	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Phần Catheter đặt vào cơ thể bệnh nhân, được làm từ chất liệu Polyurethane mềm, tương thích sinh học cao. Đầu Catheter đánh dấu màu xanh, cản quang. - Phần Catheter ngoài cơ thể, gồm 1 nòng tương ứng với các loại Catheter khác nhau. Chất liệu Certon, dùng bơm thuốc, hóa chất,.. cấp cứu - Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí - Kim luồn chữ Y có van. Ống nong, chất liệu PU - Khóa ba ngã ngăn dịch - Dây dẫn bằng chất liệu Nitinol, mềm mại, phủ Silicon (dây guide wire) tránh vặn xoắn với đầu hình chữ J linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO					30
		Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật						
		5.2 Chỉ khâu						
		Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ						

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
47	2023.VT.28	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 45cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone. Hộp 36 sợi					240
		Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa						
		7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp						
		Phim X- quang các loại, các cỡ						
48	2023.VT.29	Phim khô y tế 25x30 cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.					30
		Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác						
		Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ						
49	2023.VT.30	Chỉ thị hóa học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước	Dùng cho tiệt khuẩn bằng hơi nước (nhiệt độ cao)Thiết kế nhỏ gọn với bấc giấy và mực khô, thành phần: Paper 75%, Salicylamide 2-3%Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 5 để kiểm tra chất lượng tiệt trùng của từng gói dụng cụ. Xác định 3 thông số tiệt trùng: Nhiệt độ - thời gian -					3

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			áp suất có đạt hay không? Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ - thời gian - áp suất hơi nước túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bấc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học.- Kích thước: 5,1 cm x 1,9cm/ Quy cách: 500 miếng/ gói					
50	2023.VT.31	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt khuẩn hơi nước	Băng chỉ thị nhiệt 3M ™ Comply ™ 1322 dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa* Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,...* Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị “bung ra” trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn* Vạch chỉ thị hóa học sẽchuyển qua màu đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước* Băng chỉ thị nhiệt 3M ™ Comply ™ 1322 là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014.Tiêu chuẩn: ISO, FDA / Quy cách: 20 cuộn/thùng					5

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		Đầu côn các loại, các cỡ						
51	2023.VT.32	Pipet nhựa vô khuẩn dùng 1 lần các cỡ	Nhựa trong, đảm bảo vô khuẩn					1300
52	2023.VT.33	Đầu côn vàng	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm; dùng trong y tế					3000
53	2023.VT.34	Đầu côn xanh	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm; dùng trong y tế					3000
		Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ						
54	2023.VT.35	Mask khí dung người lớn + Trẻ em	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Túi 1 bộ x 100 túi / kiện					250
55	2023.VT.36	Mask thở oxy Sơ sinh, người lớn + Trẻ em	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Túi 1 bộ x 100 túi / kiện					150
56	2023.VT.37	Mặt nạ thở oxy có túi ECO	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥2 m. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)					60

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		Phin lọc vi khuẩn các loại, các cỡ						
57	2023.VT.38	Filter lọc khuẩn máy đo chức năng hô hấp	Màng Hygroscopic của phin lọc làm ấm, tạo độ ẩm và mang lại hiệu quả cho đường thở cho bệnh nhân. Độ ẩm đầu ra: 27mg H2O/1; Trở kháng: 0.09kPa ở 30lít/phút; Khoảng chết: 34 ml; Thể tích khí lưu thông: 120-750ml; Độ ẩm đầu ra: 30.4-31.2 oC; Hiệu quả lọc vi khuẩn: 99,999%; Hiệu quả lọc Vi rút: 99,998%; Có cổng kiểm tra khí CO2; Đạt tiêu chuẩn: ISO					1500
		Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị						
		Bóng đèn hồng ngoại các loại, các cỡ						
58	2023.VT.39	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz -250W, màu sắc đỏ đậm không phai nhạt sau khi chiếu Đuôi đèn theo tiêu chuẩn Châu Âu					10
		II. Vật tư y tế						
59	2023.VT.40	Giấy in siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m ± 5%. Dạng cuộn. Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony. 10 cuộn/ hộp					60

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
60	2023.VT.41	Huyết áp đồng hồ	- Trọng lượng: 430 g - Dải do: 20 tới 300 mmHg - Độ chính xác: ± 3 mmHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485					15
61	2023.VT.42	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015, TCVN 8389-2010. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.					25.000
62	2023.VT.43	Mũ giấy đã tiệt trùng	Mũ giấy đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO					15.000
63	2023.VT.44	Lam kính mài	Lam kính bằng thủy tinh trong. Đường kính 25,4 x 76,2mm; độ dày: 1,0 – 1,2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO					40
64	2023.VT.45	Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	Vật liệu: Carton 2 mặt phủ màng PE Độ dày của thành hộp: 1,00 mm Dung tích hộp: 5,07 lít. Kích thước lỗ thả bơm tiêm: 42 mm. Lỗ thả bơm tiêm có nắp đậy gắn liền với mặt trước của hộp Dễ dàng thiêu huỷ và cháy hết trong lò đốt rác thải hoặc thiêu đốt.					400
65	2023.VT.46	Đồng hồ Oxy	Tiêu chuẩn CE					20
66	2023.VT.47	Bóng đèn cực tím	Chiều dài bóng 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13487					90
67	2023.VT.48	Máng đèn cực tím	Sử sụng cho Chiều dài bóng 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13488					70

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
		III. Sinh phẩm Y tế						
68	2023.VT.49	Phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B HBsAg (dạng que nhúng)	Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp, kháng thể dê kháng IgG chuột Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vius viêm gan B trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9%/ Hộp 50 Test					150
69	2023.VT.50	Dung dịch phun diệt khuẩn bề mặt dụng cụ y tế chuyên dùng trong y tế. (Khử khuẩn bề mặt)	Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%. Quy cách: 1000ml					100
70	2023.VT.51	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế	Viên nén khử khuẩn GERMISEP® – dạng viên sủi – hòa tan nhanh trong nước tạo dụng dịch acid hypochlorous (HOCl) cho tác dụng diệt khuẩn tối ưu nhất. Khả năng tạo hypochlorous acid không phân ly có tác dụng diệt các mầm bệnh dựa trên cơ chế chlorine hóa màng protein và hệ thống enzyme của vi sinh vật. Hàm lượng hoạt chất 50% Natridichloroisocyanurate/ Quy cách: Hộp 100 viên					1.680
71	2023.SP.52	Cồn 96 độ dược dụng	Nồng độ Ethanol 96%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.					320

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
72	2023.SP.53	Khí ÔXY bình (40 lít)	Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy ≥ 99,6%, hàm lượng nước thấp, không có chứa CnHm, không có chứa CO2, không có chứa C2H2, không có chứa Ar + N2; Áp suất nạp 150bar, Thể tích khí nén 6 m3/ bình 40 lít, 6,3 m3/ bình 42 lít; và đạt các tiêu chuẩn sau: DĐVN III, ISO 13485; ISO 9001					1.000
73	2023.SP.54	Khí ÔXY bình (7 lít)	Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy ≥ 99,6%, hàm lượng nước thấp, không có chứa CnHm, không có chứa CO2, không có chứa C2H2, không có chứa Ar + N2; Áp suất nạp 150bar, Thể tích khí nén 1,05m3/ bình 7 lít, 1,2m3/ bình 8 lít, 1,5m3/ bình 10 lít; và đạt các tiêu chuẩn sau: DĐVN III, ISO 13485; ISO 9001					13
74	2023.SP.55	Dầu soi kính	Thể tích 100ml Đạt tiêu chuẩn ISO					13
75	2023.SP.56	Huyết thanh mẫu Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml					2
76	2023.SP.57	Huyết thanh mẫu Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B: dòng vô					2

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
			tính sifin B-6F9. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml					
77	2023.SP.58	Huyết thanh mẫu Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml					2
	Tổng: 77 khoản							